



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ III

NƠI GỬI:

Năm 2010



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi
bổ sung theo thông tư số 244/2009/TT-BTC)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/09/2010</i>	<i>01/01/2010</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		707.864.115.427	521.121.849.396
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		71.547.947.745	161.869.131.480
1. Tiền	111	D1	48.156.915.453	94.369.131.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.391.032.292	67.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	38.243.573.571	35.633.284.631
1. Đầu tư ngắn hạn	121		53.425.237.571	52.922.284.631
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(15.181.664.000)	(17.289.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		343.071.010.729	211.516.014.380
1. Phải thu khách hàng	131		108.145.236.554	75.924.078.311
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	204.353.681.636	91.349.631.557
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	31.659.242.664	45.284.562.103
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.087.150.125)	(1.042.257.591)
IV. Hàng tồn kho	140		219.984.877.497	94.686.470.498
1. Hàng tồn kho	141	D4	224.764.108.389	99.346.719.662
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.779.230.892)	(4.660.249.164)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.016.705.885	17.416.948.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.200.794.512	5.741.079.982
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.723.256.940	4.693.133.139
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	499.054.145	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.593.600.288	6.982.735.286
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.433.155.879.921	1.271.229.163.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.573.353.386	5.906.653.139
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	4.573.353.386	5.906.653.139
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		515.963.784.419	405.096.824.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	51.463.270.538	39.564.151.684
- Nguyên giá	222		78.154.559.291	62.599.137.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.691.288.753)	(23.034.986.075)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	7.343.366.231	2.663.406.747
- Nguyên giá	225		8.099.678.641	2.663.406.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(756.312.410)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	47.399.567.580	48.163.896.768
- Nguyên giá	228		51.826.697.940	51.815.314.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.427.130.360)	(3.651.418.172)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	409.757.580.070	314.705.368.869

III. Bất động sản đầu tư	240	D12	97.413.539.504	97.802.040.681
- Nguyên giá	241		115.808.292.204	113.259.450.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(18.394.752.700)	(15.457.409.647)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		740.931.337.625	698.266.809.107
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	242.756.998.699	237.921.906.002
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	551.294.715.360	523.140.161.479
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(53.120.376.434)	(62.795.258.374)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		74.273.864.987	64.156.836.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	35.322.835.337	26.946.046.843
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		10.817.190.400	11.283.541.959
3. Tài sản dài hạn khác	268		28.133.839.250	25.927.247.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.141.019.995.348	1.792.351.012.664
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.289.397.825.341	980.573.939.038
I. Nợ ngắn hạn	310		678.804.684.868	351.373.850.225
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	401.599.874.735	134.764.632.245
2. Phải trả người bán	312		58.654.896.117	24.797.707.780
3. Người mua trả tiền trước	313		65.299.674.170	35.641.166.672
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	16.382.114.891	30.333.507.769
5. Phải trả người lao động	315		34.912.534.246	41.092.582.637
6. Chi phí phải trả	316	D19	18.867.857.253	11.857.632.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	76.786.340.584	64.542.356.593
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		78.404.030	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.222.988.842	8.344.263.834
II. Nợ dài hạn	330		610.593.140.473	629.200.088.813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	125.495.936.250	90.220.590.533
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	374.028.458.827	379.936.670.733
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		423.363.436	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.277.805.844	2.432.086.665
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		108.367.576.116	156.610.740.882
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		704.953.749.840	705.475.235.184
I. Vốn chủ sở hữu	410	D23	704.953.749.840	705.475.235.184
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690.474.358)	(16.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.109.540.398	2.590.491.459
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.444.473.036	18.409.006.477
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.323.867.387	8.193.091.918
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-

10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		106.745.755.074	109.262.073.027
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	D24	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		146.668.420.167	106.301.838.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		2.141.019.995.348	1.792.351.012.664

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		D25	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
USD			3.018	3.026
EUR			18	26
JPY			-	-
AUD			-	-
SGD			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

HOÀNG THỊ THẢO

Nguyễn Vĩnh Thọ



Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2010	Quý III/2009	Lũy kế	
					2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	1.044.148.353.403	831.058.432.187	2.744.635.603.990	1.968.678.255.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.053.038.204	4.387.957.429	7.809.692.935	4.907.826.671
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.042.095.315.199	826.670.474.758	2.736.825.911.055	1.963.770.428.924
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	980.807.013.076	770.509.003.104	2.568.458.639.494	1.784.369.155.351
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.288.302.123	56.161.471.654	168.367.271.561	179.401.273.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	22.265.215.683	2.848.597.171	38.423.286.483	10.987.376.338
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	20.119.191.286	6.488.911.348	34.645.002.757	14.429.808.924
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.593.551.404	9.820.570.994	42.252.161.826	24.710.990.037
8. Chi phí bán hàng	24		27.636.795.569	17.116.367.999	70.015.971.656	48.873.488.688
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.436.439.091	20.348.814.609	57.570.816.395	50.895.988.666
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.361.091.860	15.055.974.869	44.558.767.236	76.189.363.633
11. Thu nhập khác	31	D30	1.193.242.979	940.113.392	12.738.247.443	8.029.079.101
12. Chi phí khác	32	D31	132.044.326	295.007.129	1.456.787.869	1.624.438.311
13. Lợi nhuận khác	40		1.061.198.653	645.106.263	11.281.459.574	6.404.640.790
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		1.542.422.755	3.754.038.986	4.255.926.026	9.742.805.260
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		18.964.713.268	19.455.120.118	60.096.152.836	92.336.809.683
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		3.389.732.059	4.510.941.920	10.694.383.836	19.077.965.513
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-	466.351.559	2.572.309.856
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		15.574.981.209	14.944.178.198	48.935.417.441	70.686.534.314
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		862.271.864	7.149.587.168	6.459.026.365	16.027.061.092
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		14.712.709.345	7.794.591.030	42.476.391.076	54.659.473.222
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D32	589	385	1.700	2.712

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

HOÀNG THỊ THẢO

Nguyễn Vĩnh Thọ





SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng 2010	09 tháng 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.096.152.836	92.336.809.683
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		9.439.695.262	7.290.476.874
- Các khoản dự phòng	03		(21.397.564.697)	(46.812.380.119)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	51.934.956
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(49.456.233.715)	14.016.021.773
- Chi phí lãi vay	06		42.234.115.437	25.563.756.704
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.090.138.657	92.446.619.871
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.087.693.011)	37.495.346.020
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125.415.183.555)	(51.333.687.194)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.461.582.124)	26.251.260.671
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.793.220.221)	(30.184.484.495)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(41.715.511.806)	(35.877.962.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.495.761.666)	(10.997.012.162)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		18.178.000	1.868.916.533
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.231.678.406)	(1.812.078.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(235.092.314.132)	27.856.917.880
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(120.413.491.302)	(54.165.598.204)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.797.040.000	504.463.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.976.137.780)	(94.022.741.104)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.769.000.943	71.416.046.576
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.261.350.353	8.704.874.562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(102.562.237.786)	(67.562.954.534)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29.195.000.000	8.642.952.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(690.458.358)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.306.374.836.955	476.946.206.735
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.050.545.427.899)	(416.579.973.337)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.000.582.515)	(15.989.898.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		247.333.368.183	53.019.287.198
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(90.321.183.735)	13.313.250.544
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		161.869.131.480	49.130.501.895
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	153.917
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		71.547.947.745	62.443.906.356

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

HOANG THI HA

BCLCTTHN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ III NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.

4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
3. Công Ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Tự Động SAVICO.
 - Địa chỉ: 83D Bùi Thị Xuân, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 99%
4. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
5. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
6. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
7. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: A16A, 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
8. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
 - Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, Tp.HCM

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
- 10. Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn
 - Địa chỉ: 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
- 5. **Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:**
 - 1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
 - 2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
 - 3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
 - 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
 - 5. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%
 - 6. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
 - 7. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49,5%
 - 8. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội
 - Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền		
Tiền mặt	4.509.357.683	3.222.446.566
Tiền gửi ngân hàng	43.560.849.272	91.146.684.914
Tiền đang chuyển	86.708.498	-
Cộng	48.156.915.453	94.369.131.480

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D2. Đầu tư ngắn hạn		
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	53.425.237.571	52.922.284.631
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(15.181.664.000)	(17.289.000.000)
Cộng	38.243.573.571	35.633.284.631

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 30/09/2010		Danh mục tại 01/01/2010	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP PT Nhà Thử Đức (Thuduchouse)	305.250	12.800.732.088	203.500	12.800.732.088
2	Sai Gon Postel (SPT)	539.423	4.903.850.000	539.423	4.903.850.000
3	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6.300.000.000
4	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14.000.000.000
5	Cty CP Merufa	110.000	3.000.000.000	110.000	3.000.000.000
6	Ngân hàng CP Sài Gòn Thương Tín	413.700	9.080.225.000	115.750	2.831.125.000
7	Cty CP XNK Khánh Hội	128.200	3.095.377.940	164.470	5.004.734.000
8	Cty CP Nhiệt Điện Ninh Bình	-	-	43.900	1.347.291.000
9	Cty CP Tập Đoàn Hoà Phát	-	-	45.000	2.732.500.000
10	Cty CP Bourbon Tây Ninh	20.000	243.000.000	-	-
10	HPC	812	2.052.543	812	2.052.543
Tổng cộng		2.197.385	53.425.237.571	1.902.855	52.922.284.631

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	305.296.000	2.267.647.182

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác (*)	31.353.946.664	43.016.914.921
Cộng	31.659.242.664	45.284.562.103

(*): Các khoản phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản:

- ✓ *Giao vốn cho bộ phận kinh doanh xe cũ tại công ty con: 19.783.000.000 đ.*
- ✓ *Khoản chi hộ, phải thu đối với các Cty liên kết (TESC, Savico-Vinaland) là 6.334.565.885đ*
- ✓ *Các khoản chi hộ và phải thu một số đơn vị khác là 5.146.380.779 đ*

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 204.353.681.636 đồng, trong đó:

- ✓ *Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Cái Răng, Cần Thơ (nam Cần Thơ): 37.953.702.000 đ – thực hiện dự án Toyota Cần Thơ – Công ty CP Toyota Cần Thơ đang hoạt động tại đây.*
- ✓ *Chi phí thực hiện Dự án 104 Phố Quang: 12.000.000.000 đ.*
- ✓ *Ứng trước cho Công ty Công trình Công cộng Quận 1 số tiền 32.322.455.319đ.*
- ✓ *Các khoản ứng trước cho các nhà cung cấp khác (thi công, san lấp, tư vấn...) là 9.622.114.193đ*
- ✓ *4.770.138.622 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Đông Đô Thành.*
- ✓ *8.879.891.273 đồng: ứng trước tiền hàng cho nhà máy tại Saigonford.*
- ✓ *29.497.059.221 đồng: ứng trước các chi phí cho DA Toyota Pháp Vân và tiền hàng của Cty Toyota Giải Phóng.*
- ✓ *7.602.120.642 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Sài Gòn Ngôi Sao, Sài Gòn Viễn Đông Sài Gòn Phương Nam.*
- ✓ *49.168.256.788 đồng: ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án SAVICO-Plaza tại Hà Nội.*
- ✓ *136.773.000 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Toyota Cần Thơ.*
- ✓ *5.197.952.620 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Thành Phố (Hyundai)*
- ✓ *6.595.409.363 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Sông Hàn (Hyundai)*

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	1.920.476.190
- Nguyên liệu, vật liệu	3.051.529.676	2.253.960.493
- Công cụ, dụng cụ	810.274.200	14.366.465
- Chi phí SX, KD dở dang	631.598.801	1.258.376.948
- Thành phẩm	190.874.587	254.340.056
- Hàng hóa	219.373.742.558	93.645.199.510
- Hàng gửi đi bán	706.088.567	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	224.764.108.389	99.346.719.662

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Các khoản khác phải thu Nhà nước	499.054.145	-
Cộng	499.054.145	-

D6. Phải thu dài hạn nội bộ

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D7. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu dài hạn khác (*)	4.573.353.386	5.906.653.139
Cộng	4.573.353.386	5.906.653.139

(*): Khoản phải thu dài hạn chủ yếu là khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền: 4.345.621.247 đồng.

D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.221.213.603	14.528.702.829	10.453.898.897	395.322.430	62.599.137.759
Mua trong kỳ	9.604.171.220	2.465.320.147	3.612.806.610	172.598.702	15.854.896.679
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.830.222.727	-	-	-	1.830.222.727
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.135.081.882)	(994.615.992)	-	(2.129.697.874)
Số cuối kỳ	48.655.607.550	15.858.941.094	13.072.089.515	567.921.132	78.154.559.291
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.563.931.680	7.822.554.092	3.270.072.761	378.427.542	23.034.986.075
Khấu hao trong kỳ	1.998.805.094	1.557.466.691	1.376.734.850	39.593.643	4.972.600.278
Giảm trong kỳ	-	(786.816.775)	(529.480.825)	-	(1.316.297.600)
Số cuối kỳ	13.562.736.774	8.593.204.008	4.117.326.786	418.021.185	26.691.288.753
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	25.657.281.923	6.706.148.737	7.183.826.136	16.894.888	39.564.151.684
Số cuối kỳ	35.092.870.776	7.265.737.086	8.954.762.729	149.899.947	51.463.270.538

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.454.684.768 đồng

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.663.406.747	-	2.663.406.747
Tăng trong kỳ	5.436.271.894	-	5.436.271.894
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	756.312.410	-	756.312.410
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	756.312.410	-	756.312.410
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.663.406.747	-	2.663.406.747

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Số cuối kỳ	7.343.366.231	-	7.343.366.231

D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.120.693.490	694.621.450	51.815.314.940
Tăng trong kỳ	-	11.383.000	11.383.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	51.120.693.490	706.004.450	51.826.697.940
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
Khấu hao trong kỳ	657.525.384	118.186.804	775.712.188
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	4.096.485.364	330.644.996	4.427.130.360
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	47.681.733.510	482.163.258	48.163.896.768
Số cuối kỳ	47.024.208.126	375.359.454	47.399.567.580

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Hoàn thành chuyển BĐSĐT trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	64.211.914.939	26.750.686.835	-	90.962.601.774
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	18.882.333.567	1.683.318.706	-	20.565.652.273
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	3.586.158.224	178.137.327	-	3.764.295.551
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-	-	234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang	5.611.068.289	1.537.090.265	-	7.148.158.554
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	8.816.312.254	1.280.496.222	-	10.096.808.476
Dự án Quốc Lộ 13	161.013.078.604	8.046.616.652	-	169.059.695.256
Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ	10.046.046.583	4.064.606.028	-	14.110.652.611
Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội)	26.922.211.108	31.678.388.467	-	58.600.599.575
Dự án Đại lý TOYOTA 3S tại Q.Hoàng Mai, Hà Nội	12.631.288.606	19.181.282.263	-	31.812.570.869
Dự án Showroom Hyundai Sông Hàn	-	2.966.521.548	-	2.966.521.548
Dự án Chương trình phần mềm Kế toán	435.870.000	-	-	435.870.000
Cộng	312.390.435.757	98.277.144.311	-	409.757.580.070

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng : Đã hoàn thành thiết kế cơ sở. Đang triển khai bản vẽ thi

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	công và dự kiến khởi công móng công trình vào tháng 12/2010.
+ Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước	: Thi công san lấp giai đoạn 2 dự kiến hoàn tất trong tháng 10/2010; Đã hoàn tất quy hoạch công trình 1/500 và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên dự án.
+ Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	: Đã động thổ thi công vào 25/08/2010; đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, villa mẫu và tiếp thị bán biệt thự. Tập đoàn Accor tư vấn quản lý và Savills tiếp thị kinh doanh.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc	: Công ty đang tiếp tục phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phổ Quang	: Đã được UBND Thành phố duyệt chủ trương đầu tư và văn bản phê duyệt các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc. Đang thực hiện thiết kế.
+ Dự án 66-68 NKKN	: Chi phí đầu tư. Đang lập thủ tục xin thỏa thuận quy hoạch kiến trúc và triển khai thiết kế concept.
+ Dự án Quốc lộ 13	: Đang lập phương án quy hoạch mặt bằng tổng thể theo thông báo của quận Thủ Đức (mật độ dân số 2200, độ cao 17 tầng) và trình phê duyệt quy hoạch 1/500.
+ Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ	: Sẽ kết chuyển tăng BĐS đầu tư trong tháng 10/2010.
+ Dự án Chương trình phần mềm Kế toán	: Đang nhập liệu nghiệm thu và chờ thanh lý hợp đồng. Kết chuyển tăng tài sản trong quý 4/2010
+ Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội)	: Đang xây dựng và đã bổ nhiệm CB-RI là đơn vị kinh doanh và tiếp thị dự án. Dự kiến hoàn thành và đưa vào khai thác trong 06 tháng đầu năm 2011.
+ Dự án Đại lý TOYOTA 3S tại Hà Nội	: Đang hoàn tất thủ tục tăng tài sản và dự kiến khai trương vào quý 4/2010.
+ Dự án Showroom Hyundai Sông Hàn	: Đang hoàn tất thủ tục tăng tài sản và dự kiến khai trương vào tháng 10/2010.

D12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu 2010	Tăng trong 2010	Giảm	Số dư 30/09/2010
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	113.259.450.328	2.548.841.876	-	115.808.292.204
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	15.457.409.647	2.937.343.053	-	18.394.752.700
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	97.802.040.681			97.413.539.504

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D13. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	6.952.245.883	6.952.245.883
Công Ty TNHH TM&DV Tự Động Savico	-	9.900.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	2.800.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	39.000.000.000	35.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn	5.100.000.000	-
Cộng	106.860.467.883	106.960.467.883

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI		25.899.974.534		23.708.149.910
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	2.057.085	43.000.949.791	1.371.390	41.673.458.611
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO		2.154.325.424		1.851.170.058
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	322.160	5.970.290.910	322.160	5.668.065.506
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC		1.824.926.988		1.831.887.896
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	240.000	1.246.286.289	240.000	1.293.252.613
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland		159.577.303.707		161.895.921.408
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội		3.082.941.056		
Cộng		242.756.998.699		237.921.906.002

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

D15. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)

- | | | |
|--|-----------------|-----------------|
| - Đầu tư tài chính dài hạn (là CĐ chiến lược, CĐ | 319.916.904.090 | 319.916.904.090 |
|--|-----------------|-----------------|

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sang lập).

- Đầu tư trái phiếu	-	150.000.000
---------------------	---	-------------

- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	230.377.811.270	203.073.257.389
--	-----------------	-----------------

Cộng	550.294.715.360	523.140.161.479
-------------	------------------------	------------------------

▪ Thuyết minh các khoản đầu tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Savico tham gia với tư cách cổ đông sáng lập – chiến lược					
1	OCB	10.236.817	121.548.030.590	10.236.817	121.548.030.590
2	CK ORS	2.400.000	31.500.000.000	2.400.000	31.500.000.000
3	SPT	1.294.615	11.769.230.000	1.294.615	11.769.230.000
4	Tradincorp	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
5	VietThai	650.760	8.042.676.000	650.760	8.042.676.000
6	Cty B.T Long Hải (Tropicana)	645.000	6.450.000.000	645.000	6.450.000.000
7	Cty B.T Non nước (Sandy Beach)	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
8	BenThanh (TSC)	151.202	3.289.960.000	151.202	3.289.960.000
9	Searefico	173.000	11.467.000.000	173.000	11.467.000.000
10	Việt Á	6.056.700	91.072.036.000	6.056.700	91.072.036.000
11	NH EXIM	739	20.157.500	739	20.157.500
12	Sabeco	200.000	14.000.000.000	200.000	14.000.000.000
13	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	1.650	242.550.000	1.650	242.550.000
14	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	15.664	221.464.000	15.664	221.464.000
15	Công ty CP Cơ khí Vinh	47.000	488.800.000	47.000	488.800.000
16	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	30.500	305.000.000	30.500	305.000.000
17	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thủ Đô	100.000	1.000.000.000	-	-
Tổng cộng			320.916.904.090		319.916.904.090

▪ Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	30/09/2010	Nội dung
Khu du lịch Sinh Thái Cần Giờ	50.000.000	Tham gia dự án cùng với Cty Quản lý Nhà Quận 1 và Tổng Cty Bến Thành.
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thủ Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Long Hòa - Cần Giờ	58.064.137.098	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%, thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Long Hòa – Cần Giờ, Đã nộp tiền sử dụng đất. Đã hoàn tất điều chỉnh quy hoạch 1/500.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	73.087.523.400	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%, phát triển dự án tại 56 Bến Vân Đồn.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Đang thi công móng và tăng hầm, dự kiến hoàn tất vào tháng 02/2011.
Dự án 91 Pasteur	51.746.268.291	Góp vốn với Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành Phố. Tỷ lệ vốn góp là 51%, Thực hiện dự án cao ốc văn phòng tại 91 Pasteur, Q1, Tp.HCM. Đang hoàn tất hồ sơ quyết toán; đã cho thuê trọn tòa nhà và lấy doanh thu từ 15/08/2010.
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu	300.000.000	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu.
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân	1.158.394.700	
Công ty con đầu tư vào siêu thị ô tô trên đường Nguyễn Văn Cừ.	4.615.881.592	Góp vốn kinh doanh với Tổng Công Ty Bến Thành
Cộng	230.377.811.270	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án văn phòng cho thuê tại Phan Văn Trị, Gò Vấp: 8.346.260.578 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn tại Đại lý TOYOTA 3S tại Cần Thơ: 4.271.942.692 đồng.

Chi phí thành lập doanh nghiệp và chi phí thuê TSCĐ của Công ty Ô tô Thành Phố : 2.001.827.602 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án Đại lý TOYOTA 3S tại Pháp Vân, Hà Nội: 17.999.195.967 đồng.

D17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Nông Nghiệp và PT Nông Thôn	1.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	46.007.524.819	-
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	123.496.799.000	54.221.756.000
Ngân hàng HSBC	27.046.097.541	5.766.856.045
Ngân hàng Mitsubishi (Cần Thơ)	29.110.000.000	10.300.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	9.652.421.378	15.418.505.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	11.399.906.000	10.023.826.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	3.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	8.331.463.338	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	1.787.700.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB	39.680.563.134	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	1.340.000.000	-
Đối tượng khác	1.900.000.000	
Cộng vay ngắn hạn	314.552.475.210	97.530.943.045
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Công Thương	1.332.000.000	7.776.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	883.621.925	2.296.000.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Phương Đông	75.498.443.600	2.330.577.200
HSBC	-	12.500.000.000
SACOMBANK	8.333.334.000	11.111.112.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi	-	1.220.000.000
Cộng vay dài hạn đến hạn	86.047.399.525	37.233.689.200
Vay và nợ ngắn hạn	401.599.874.735	134.764.632.245

D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	627.157.869	3.850.749.035
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.465.031.416	24.457.520.023
- Thuế thu nhập cá nhân	1.217.017.507	2.025.238.711
- Thuế khác	72.908.099	-
Cộng	16.382.114.891	30.333.507.769

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	7.033.314.249	4.807.391.589
- Trích trước lãi sử dụng vốn	4.397.691.337	1.078.264.776
- Trích trước khác (*)	7.436.851.667	5.971.976.330
Cộng	18.867.857.253	11.857.632.695

(*) Trong đó:

+ Trích trước chi phí lương, phí tư vấn trả cho Sumitomo, phí khám sức khỏe định kỳ, chi phí bảo hành, bảo dưỡng... của Công ty TOYOTA Giải Phóng.

D20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	716.884.730	624.910.542
- Bảo hiểm xã hội	807.136.539	187.529.388
- Bảo hiểm y tế	261.750.557	50.149.342
- Bảo hiểm thất nghiệp	44.392.798	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	313.923.600	20.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.642.252.360	63.659.767.321
Cộng	76.786.340.584	64.542.356.593

D21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.713.266.130	9.791.121.947

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	113.559.338.994	78.403.640.000
- Phải trả dài hạn khác	223.331.126	2.025.828.586
Cộng	125.495.936.250	90.220.590.533

D22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	53.769.553.992	17.938.440.879
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	36.050.878.075	31.365.868.075
Ngân hàng TMCP Phương Đông	34.000.000.000	184.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	58.148.146.000	63.703.702.000
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	45.004.660.795	45.004.660.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	36.000.000.000	36.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	803.056.000	-
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	-
Cộng	363.776.294.862	378.012.671.749
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	7.926.713.064	1.923.998.984
Công ty cho thuê tài chính ACB	2.325.450.901	-
Cộng vay và nợ dài hạn	374.028.458.827	379.936.670.733

D23. Vốn chủ sở hữu***D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số đầu 01/01/2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	479.212.219.009
Phát hành cổ phiếu trong năm 2009	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	-	-	-	71.885.451.988	71.885.451.988
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức 2009	-	-	-	-	-	-	(28.609.769.200)	(28.609.769.200)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	-	-	(536.135.547)	(536.135.547)
Tăng trong kỳ	-	5.098.221.723	-	3.351.604.414	2.215.537.190	1.591.083.937	-	12.256.447.264
Giảm trong kỳ	-	-	3.544.730.277	(1.411.458.593)	-	-	(8.301.916.594)	(6.168.644.910)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2009	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184
Số dư 01/01/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184
Phát hành cổ phiếu trong năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	42.650.364.610	42.650.364.610

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng trong kỳ	-	-	(690.458.358)	2.519.048.939	35.466.559	130.775.469		1.994.832.609
Cổ tức chia 2010.	-	-	-	-	-	-	(27.676.630.362)	(27.676.630.362)
Giảm trong kỳ.	-	-	-	-	-	-	(17.490.052.201)	(17.490.052.201)
Số dư 30/09/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.109.540.398	18.444.473.036	8.323.867.387	106.745.755.074	704.953.749.840

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	77.763.930.000	77.763.930.000
Vốn góp của các cổ đông	172.191.800.000	172.191.800.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	249.955.730.000

Phân phối cổ tức**24.995.572.000****D23.4. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573
- Cổ phiếu phổ thông	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	1
- Cổ phiếu phổ thông	20.066	1
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.995.572
- Cổ phiếu phổ thông	24.975.507	24.995.572

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D24. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D25. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
D26. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	998.419.863.939	809.517.777.023
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.728.489.464	21.540.655.164
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	18.311.840	34.185.388
- Hàng bán bị trả lại	1.097.280.000	3.885.835.041
- Giảm giá hàng bán	937.446.364	467.937.000
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.042.095.315.199	826.670.474.758
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	996.366.825.735	805.129.819.594
- Doanh thu thuần về bán thành phẩm		
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	45.728.489.464	21.540.655.164
D27. Giá vốn hàng bán		
	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	945.984.507.424	748.457.129.090
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.822.505.652	22.051.874.014
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	980.807.013.076	770.509.003.104
D28. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
Lãi tiền gửi ngân hàng	964.166.631	504.002.380
Lãi, cổ tức được chia	293.591.600	1.064.440.844
Lãi bán chứng khoán	-	1.258.451.940
Lãi chênh lệch tỷ giá	252.799.237	21.702.007
Thu hoạt động tài chính khác	20.754.658.215	-
Cộng	22.265.215.683	2.848.597.171
D29. Chi phí tài chính		
	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
Chi phí lãi vay	17.593.551.404	9.820.570.994
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.744.805.848	94.865.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá	496.571.828	52.536.862
Lỗ bán chứng khoán	-	2.683.428.880
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(6.342.490.700)

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí tài chính khác	284.262.206	
Cộng	20.119.191.286	6.488.911.348

D30. Thu nhập khác

	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
Thu bán thanh lý TSCĐ	10.558.000	262.727.272
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	1.085.142.888	592.529.782
Thu nhập khác	97.542.091	84.856.338
Cộng	1.193.242.979	940.113.392

D31. Chi phí khác

	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
Chi phí thanh lý TSCĐ	81.564.658	280.785.658
Chi phí khác	50.479.668	14.221.471
Cộng	132.044.326	295.007.129

D32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.574.981.209	14.944.178.198
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	862.271.864	7.149.587.168
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	14.712.709.345	7.794.591.030
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.977.288	20.247.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	589	385

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý 3/ 2010	Quý 3/ 2009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	24.981.958	20.139.979
Bán ra cổ phiếu quỹ trong tháng 8/2009	-	107.687
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 10/07/2010	(1.670)	-
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 02/08/2010	(3.000)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.977.288	20.247.666

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn và các công ty con áp dụng thông tư số 244/2009/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh Nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/09/2010	01/01/2010
-----------------	--------------------	-------------------	-------------------

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn****Cơ cấu tài sản**

Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33,06	29,07
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66,94	70,93

Cơ cấu nguồn vốn

Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64,65	58,16
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	35,35	41,84

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,04	1,48
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	1,21

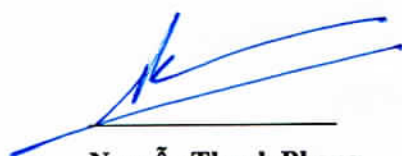
Tỷ suất sinh lời**Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**

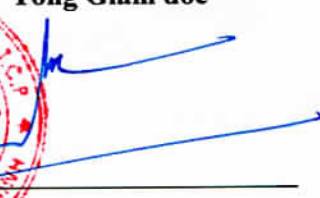
		Quý 3/2010	Quý 3 / 2009
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,84	2,35
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,51	1,81

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản.	%	0,93	1,27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,76	0,98
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2,09	1,48

Tp.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

Nguyễn Thanh Phong

HOÀNG THỊ THẢO

Nguyễn Vĩnh Thọ